

PHÁT TRIỂN TƯ DUY BẬC CAO VÀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ CHO SINH VIÊN NGÀNH NGOẠI NGỮ THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TOÀN CẦU HÓA

NGUYỄN DUY MỘNG HÀ*

TÓM TẮT

Thời đại công nghệ thông tin (CNTT) và toàn cầu hóa đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao đối với việc đào tạo các công dân toàn cầu một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ, trong đó có kỹ năng tư duy bậc cao và sử dụng CNTT. Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học nói chung và hình thức học tập e-Learning nói riêng đang là một yêu cầu cấp thiết vì nó có vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên (SV) phát triển các kỹ năng thông tin, trong đó phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin được xem là các mức độ tư duy bậc cao. Bài viết gợi mở một số phương thức giúp sinh viên các khối ngành ngoại ngữ phát triển thêm các kỹ năng thông tin, sử dụng công nghệ và tư duy bậc cao trong việc sử dụng hiệu quả các hình thức dạy học cơ bản có ứng dụng CNTT.

Từ khóa: công dân toàn cầu, tư duy bậc cao, toàn cầu hóa, CNTT, e-Learning, ngoại ngữ, kỹ năng thông tin, giao tiếp, học tập suốt đời.

ABSTRACT

Developing high-order thinking and technology skills for students majoring in foreign languages in the era of ICT and globalization

The era of ICT and globalization requires the training of well-rounded global citizens with appropriate knowledge, skills and attitudes of different kinds, including high-order thinking skills and ICT skills. The effective use of ICT in teaching and learning and e-Learning is becoming an urgent requirement because it plays an important role in improving students' information skills, in which analyzing, synthesizing and evaluating information are among high-order thinking skills. The paper gives some implications to pedagogical approaches in helping students majoring in foreign languages improve their information skills, technology and high-order thinking skills through some basic and active teaching and learning activities with the application of ICT.

Keywords: global citizens, high-order thinking, globalization, ICT, e-Learning, foreign languages, information skills, communication, lifelong learning.

1. Mở đầu

Trong việc thiết kế các chương trình học ở bậc đại học ngày nay, mục tiêu phát triển năng lực tư duy bậc cao nhằm giúp sinh viên chủ động tìm kiếm kiến thức cho mình luôn được các nhà giáo dục quan tâm hàng đầu. Qua đó, vai trò của người dạy và người học cũng thay đổi rõ rệt. Giảng viên không chỉ đóng vai trò là nguồn cung cấp

* ThS, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP HCM

kiến thức duy nhất mà còn phải là người hướng dẫn, hỗ trợ người học tích cực khai thác, đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn thông tin khổng lồ từ nhiều nguồn, nhiều nơi trên thế giới trong thời đại toàn cầu hóa với chìa khóa là ngoại ngữ và kỹ năng thông tin của họ.

Bảng phân loại cấp độ của Benjamin S. Bloom (1956) (Bloom's Taxonomy) [2, 7] đã được nghiên cứu và ứng dụng trong việc thiết kế mục tiêu giảng dạy và đánh giá năng lực của sinh viên bậc đại học trên toàn thế giới từ hơn nửa thế kỷ qua. Về mặt nhận thức, Benjamin S. Bloom đã mô tả từ bậc thấp đến bậc cao, từ cấp độ đơn giản đến phức tạp mà 3 mức độ cao nhất là phân tích, tổng hợp và đánh giá. Kỹ năng thông tin đòi hỏi người học phải biết tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu và đánh giá các thông tin. Do đó, có nhiều loại bài tập và hình thức tổ chức dạy học giúp sinh viên xử lý thông tin hiệu quả, đồng thời vận dụng và phát triển các kỹ năng tư duy bậc cao này.

2. Một số khái niệm có liên quan

2.1. Toàn cầu hóa và năng lực của công dân toàn cầu

Toàn cầu hóa là sự chuyển biến xã hội đa chiều trên nhiều lĩnh vực khác nhau, hướng tới hội nhập, phụ thuộc, tương hỗ lẫn nhau trên toàn thế giới; xu hướng chung là để con người có thể cùng tồn tại và phát triển bền vững hòa hợp và bình đẳng. Cùng với thời đại Internet và thương mại điện tử, Friedman nhấn mạnh toàn cầu hóa của kỷ nguyên mới “Toàn cầu hóa 3.0 làm thế giới co từ cỡ nhỏ xuống cỡ siêu nhỏ và đồng thời san bằng sân chơi toàn cầu ... cho phép các cá nhân cộng tác và cạnh tranh trên thị trường toàn cầu” (Friedman 2006: 26) [3].

Trong bối cảnh đó, hiện nay, có nhiều tác giả nghiên cứu về công dân toàn cầu và các yêu cầu đối với một công dân toàn cầu. Chẳng hạn, Lương Văn Kế cho rằng “Một công dân toàn cầu có tri thức hiện đại mang tầm quốc tế, ý thức trách nhiệm đối với toàn cầu, năng lực giao tiếp toàn cầu và đảm nhận các công việc của các tổ chức xuyên quốc gia” (Lương Văn Kế 2011: 170) [4]. Tác giả của cuốn sách “Công dân toàn cầu”, Mark Gerzon (Gerzon 2011: 243-302) [5] đã đưa ra được hai mươi phương thức giúp chúng ta phát triển đủ 4 kỹ năng then chốt của một công dân toàn cầu – quan sát, học hỏi, kết nối và cộng tác thực tế nhằm có thể nâng cao trí tuệ toàn cầu (GI) của mình, trong đó ông có nhắc đến một yêu cầu “Hãy tăng kiến thức của bạn – bao gồm cả việc làm thế nào để không biết “ vì khi ý thức về những điều chúng ta chưa biết sẽ khiến chúng ta “*kiên trì, tự tin và khiêm tốn trong một thế giới với lượng thông tin mở rộng đến vô cùng*“. Ngoài ra, việc tìm cách học tập tích cực và hiệu quả cũng là một yêu cầu quan trọng trong thời đại bùng nổ thông tin.

Do đó, để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa, công dân toàn cầu phải thể hiện cả kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp, tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Quan trọng nhất là họ phải có khả năng học tập suốt đời để đáp ứng những kỳ vọng và đòi hỏi không ngừng của một xã hội toàn cầu hóa ngày càng mang tính phụ thuộc và

phức tạp. Năng lực học tập suốt đời theo khung tham chiếu của châu Âu (European Commission) [9] gồm có 8 loại năng lực chủ chốt sau đây:

1. Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ
2. Giao tiếp bằng ngoại ngữ
3. Năng lực toán học và khoa học, công nghệ cơ bản
4. Năng lực số hóa (digital competence)
5. Học cách học
6. Năng lực xã hội và công dân
7. Ý thức sáng tạo và kinh doanh
8. Ý thức văn hóa.

Như vậy, các năng lực trên làm nền tảng cho việc học tập suốt đời của một công dân toàn cầu cần được triển khai đồng bộ ở mọi cấp bậc học, mọi chuyên ngành, nhất là các chuyên ngành ở bậc đại học.

2.2. Thang phân loại các mức độ nhận thức

Trong ba loại mục tiêu giáo dục: Nhận thức (cognitive), tình cảm/thái độ (affective) và psycho-motor (tâm lý vận động), thang phân loại các mức độ nhận thức của Benjamin S. Bloom (1956) gồm 6 mức độ sau: (1) Nhận biết (Knowledge), (2) Hiểu (Comprehension), (3) Vận dụng (Application), (4) Phân tích (Analysis), (5) Tổng hợp (Synthesis), (6) Đánh giá (Evaluation). Ba mức độ tư duy bậc cao được mô tả cụ thể với những động từ như sau:

- *Phân tích*: Có khả năng chia cắt khối thông tin thành từng yếu tố nhỏ, thấy và hiểu được mối quan hệ rõ ràng giữa các ý tưởng. Các động từ thường được dùng để mô tả khả năng phân tích bao gồm: *phân tích, tổ chức, chọn lựa, suy luận, so sánh, đối chiếu, phân biệt, kiểm tra, thử nghiệm...*

- *Tổng hợp*: Có khả năng kết hợp các yếu tố lại thành một tổng thể, sắp xếp lại thành một cấu trúc rõ ràng. Các động từ thường được dùng để mô tả khả năng tổng hợp bao gồm: *thiết kế, giả định, lập kế hoạch, khái quát hóa, viết, trình bày, thảo luận, tạo lập, xây dựng,...*

- *Đánh giá*: Có khả năng đưa ra phán đoán về giá trị của tài liệu và phương pháp cho những mục đích cụ thể nào đó, biết xem xét để xem có đáp ứng được những tiêu chí đặt ra không. Các động từ thường được dùng để mô tả khả năng này bao gồm: *xét đoán, ước lượng, đánh giá, phê bình, bênh vực, bảo vệ, thanh minh, biện luận...*

Nhận thấy thang trên chưa thật sự hoàn chỉnh, TS. Lorin Anderson (1999) [8], một học trò của Benjamin S. Bloom, đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh lại thang phân loại các mức độ nhận thức như sau: (1) Nhớ (Remembering), (2) Hiểu (Understanding), (3) Vận dụng (Applying), (4) Phân tích (Analyzing), (5) Đánh giá (Evaluating), (6) Sáng tạo (Creating). Trong đó, khả năng sáng tạo thể hiện sự xây

dựng, tạo ra sản phẩm mới, đưa ra quan điểm mới, thiết kế, phát triển, soạn thảo, làm ra, viết ra hay sáng tác ra một cái gì đó hoàn toàn mới. Để phát triển được tư duy *sáng tạo*, sinh viên phải học hỏi, tìm tòi, khám phá không ngừng, phối hợp với nhóm làm việc, dựa trên cơ sở các tiền đề sẵn có và khả năng liên hệ, liên tưởng phong phú của người học cùng với sự dẫn dắt gợi mở của giảng viên hướng dẫn.

2.3. Chương trình giảng dạy ngoại ngữ

Tất cả các chương trình học, dù khác nhau, đều bao gồm các yếu tố sau: (1) Các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, (2) Các nội dung được chọn lọc và cơ cấu của các nội dung đó, (3) Các kiểu dạy và học theo mục tiêu và cơ cấu nội dung đã được xác định, (4) Hệ thống đánh giá kết quả. Sinh viên các khối ngành ngoại ngữ ở Việt Nam thường trải qua chương trình học với hai giai đoạn và ba khối kiến thức theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT, trong đó có khối kiến thức các môn đại cương bằng tiếng Việt giúp cho sinh viên có kiến thức nền tảng về văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam và thế giới. Khối kiến thức chuyên ngành gồm các môn giai đoạn cơ sở ngành và giai đoạn chuyên ngành học bằng ngoại ngữ. Các môn học trong giai đoạn cơ sở ngành thường bao gồm các kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ cơ bản như nghe, nói, đọc và viết cùng với kiến thức nền tảng về ngữ âm, ngữ pháp. Mục tiêu là để sinh viên có khả năng giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ trước khi có khả năng vận dụng ngoại ngữ vào giai đoạn chuyên ngành để học chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, văn chương hay các lĩnh vực ứng dụng thực tiễn khác như giảng dạy ngoại ngữ, kinh tế, du lịch, biên phiên dịch...

Cùng với xu hướng phát triển của việc giảng dạy ngoại ngữ như là công cụ giao tiếp hoặc như là chuyên ngành nghiên cứu sâu, giai đoạn cơ sở ngành thường không còn tách riêng, dạy riêng từng kỹ năng nghe, nói, đọc và viết rời rạc nữa mà có sự tích hợp trong cùng một môn hoặc cùng một nhóm các kỹ năng theo các cấp bậc (ví dụ như Nghe-Nói 1, Đọc-Viết 2, Ngữ pháp-Viết nâng cao, Giao tiếp/Thực hành tiếng 1...). Ở nhiều nước tiên tiến trên thế giới còn có xu hướng tích hợp việc dạy văn hóa, văn chương, kinh tế, ngoại thương, du lịch, lịch sử... vào cùng với giai đoạn cơ sở ngành trong quá trình dạy thực hành tiếng. Như vậy, xu hướng tích hợp, liên ngành càng ngày càng thể hiện rõ trong các nội dung và chương trình đào tạo chuyên ngành.

Về mục tiêu đào tạo hay kết quả học tập dự kiến (mà ở Việt Nam thường hay quen gọi là chuẩn đầu ra) theo định hướng hội nhập, sinh viên được định hướng phải phát triển các khả năng đa dạng, chẳng hạn như sau "*Nhận thức được bản chất của văn hóa Việt Nam trong so sánh với văn hóa nước ngoài; bản lĩnh và hội nhập: nhận thức được những điều phù hợp và không phù hợp với văn hóa Việt Nam trong giao lưu và hội nhập; các kỹ năng "mềm"; kỹ năng phân tích, nhận xét, bình luận một vấn đề xã hội dưới nhiều góc nhìn khác nhau; kỹ năng giao tiếp đa văn hóa... ; nhận thức được sự khác biệt giữa văn hóa Anh, Mỹ và Việt Nam trong ứng dụng vào việc dạy tiếng"* (Một số chuẩn đầu ra ngành cử nhân Ngữ văn Anh, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, năm 2013). [6].

Các mục tiêu và nội dung đào tạo trên cho thấy sinh viên các khối ngành ngoại ngữ cần phát triển các năng lực tư duy bậc cao. Do đó, cần phải có các phương pháp, phương tiện giảng dạy hiện đại và điều kiện môi trường hỗ trợ thích hợp, kết hợp hình thức học trên lớp và tự học, học nhóm (theo nhóm truyền thống hoặc qua mạng) ở mọi lúc, mọi nơi với các tài liệu học tập đa dạng. Để thực hiện tốt chương trình học, cố vấn học tập và các hoạt động hỗ trợ sinh viên, giao tiếp với sinh viên ngoài giờ trên lớp theo nhu cầu của từng cá nhân hay từng nhóm sinh viên là điều kiện bắt buộc của học chế tín chỉ. Hệ thống tư vấn, hỗ trợ sinh viên ngoài giờ trên lớp cùng với hệ thống trợ giảng chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả ở Việt Nam cũng là một trở ngại đáng kể cần được khắc phục. Một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả là việc ứng dụng CNTT trong việc tiếp xúc với sinh viên, giải đáp những thắc mắc của sinh viên kịp thời như thông qua hệ thống tư vấn online, phát triển cổng thông tin cho việc dạy và học dựa trên mã nguồn mở Moodle, trang web cá nhân của giảng viên/của khoa phục vụ dạy và học có phần giải đáp chung cho những thắc mắc chung phổ biến của sinh viên như FAQ (frequently asked questions) bên cạnh việc giải đáp cho từng thắc mắc cụ thể của sinh viên, đồng thời kích thích sự tranh luận của sinh viên bằng ngoại ngữ qua các diễn đàn...

Đặc biệt phương pháp dạy học tích cực hướng về người học và tính chủ động trong học tập của sinh viên cần được giảng viên quán triệt và ứng dụng hiệu quả. Các hình thức tổ chức hoạt động dạy học tích cực giúp sinh viên phát huy tư duy bậc cao như phân tích, tổng hợp đánh giá, so sánh các thông tin tìm kiếm được từ trên mạng hay nhiều nguồn khác, phối hợp hiệu quả trong nhóm để chuẩn bị các bài trình bày, kịch bản, dự án, đồ vui, đóng vai... có thể được tận dụng. Qua đó, sinh viên còn được nâng cao hơn nữa kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

3. Một số phương pháp dạy và học tích cực có sử dụng CNTT để phát triển tư duy bậc cao cho SV ngành ngoại ngữ

E-Learning là một hình thức học tập hiệu quả đặc biệt đối với việc học ngoại ngữ vì nó giúp cho việc học tập trở nên dễ dàng, linh hoạt và sinh động, hấp dẫn, tạo động cơ hứng thú học tập cao. Việc dạy giao tiếp qua mạng với các công cụ như chat, skype cũng không còn xa lạ trong thời đại hiện nay. Một số phần mềm học ngoại ngữ có tính tương tác cao đã cho thấy hiệu quả gây hứng thú học tập. Cùng với các phương tiện hiện đại này, tổng hợp kinh nghiệm thực tế (qua dự giờ, phỏng vấn, hội thảo, sinh hoạt bộ môn, tập huấn...) của một số giảng viên các khối ngành ngoại ngữ tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TPHCM (có đến 10 khoa/bộ môn thuộc khối ngành ngoại ngữ) cho thấy một số hoạt động và hình thức tổ chức dạy học dành cho sinh viên các khối ngành ngoại ngữ giúp sinh viên phát triển tư duy bậc cao, kỹ năng công nghệ và giao tiếp nên được áp dụng như sau:

3.1. *Trình chiếu đa phương tiện, câu đố (quizzes), trò chơi (games)*

Sinh viên ở giai đoạn cơ sở ngành cũng như chuyên ngành thường được phân công làm việc nhóm theo các chủ đề được giao để chuẩn bị một bài thuyết trình. Để bài

thuyết trình được phong phú, sinh động, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách khai thác, tìm kiếm, chọn lọc, phân tích và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn, sử dụng thành thạo các công cụ trình bày, biểu diễn với các hiệu ứng và đa phương tiện thích hợp.

Trên thực tế, công cụ tìm kiếm như Google và Youtube từ trên Internet hiện nay đã không còn xa lạ gì đối với người học ở mọi cấp. Tuy nhiên kỹ năng chọn lựa, phân tích, đánh giá và sử dụng nguồn thông tin là không thể thiếu, giúp sinh viên có ý thức đạo đức trong học thuật, tránh tình trạng đạo văn, sao chép thiếu trích dẫn, trích nguồn và thiếu liệt kê danh mục website cũng như tài liệu tham khảo. Các kỹ năng cơ bản về CNTT và truyền thông như chèn đa phương tiện, xử lý hình ảnh, sơ đồ, sử dụng hiệu ứng, công cụ vẽ, siêu liên kết... hiện nay trở thành kỹ năng công nghệ cơ bản của sinh viên mọi ngành. Việc sử dụng đa phương tiện còn giúp cho các giảng viên các ngành ngoại ngữ dễ dàng trong việc giải thích những từ vựng khó (cụ thể cũng như trừu tượng) vừa trực quan sinh động, vừa thực tế vì một hình ảnh đôi khi có ý nghĩa gấp nhiều lần lời nói.

Bài trình chiếu của sinh viên ngành ngoại ngữ sẽ hấp dẫn hơn nếu kết hợp với các hình thức câu đố (quizzes) vì các câu đố vừa giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học vừa tạo không khí sinh động, vui tươi cho lớp học, đặc biệt khi có sự thi đua giữa các nhóm. Khi một nhóm thực hiện thành công bài trình bày với các câu đố, câu hỏi củng cố, các nhóm khác sẽ học hỏi theo, kể cả các kỹ năng sử dụng máy tính, công cụ phần mềm, đa phương tiện, công cụ hiệu ứng để cho bài trình chiếu có tính tương tác cao, chẳng hạn tạo đường link cho các phần gợi mở, đáp án, phản hồi cho từng chọn lựa của phần đố vui. Trên thực tế, nhiều nhóm sinh viên đã tự học hỏi lẫn nhau về các công cụ trình chiếu, sử dụng đa phương tiện ngoài giờ trên lớp, đôi khi sinh viên còn thành thạo công nghệ hơn cả giảng viên. Điều này cũng tạo động cơ cho giảng viên tự học hỏi trau dồi thêm về công nghệ với các phương tiện hướng dẫn tự học ngày càng phong phú và miễn phí trên mạng hoặc học hỏi từ trong tổ bộ môn, trung tâm công nghệ dạy học/trung tâm E-Learning của trường. Các hình thức trò chơi trong việc dạy ngoại ngữ có sử dụng phương tiện công nghệ hiện nay cũng đã được sử dụng nhiều hơn. Nhiều trò chơi học từ vựng, ngữ pháp và nói có thể được tải miễn phí trên mạng và sử dụng trong việc dạy ngoại ngữ trong giai đoạn thực hành tiếng. Các trò chơi, đố vui... phục vụ học ngoại ngữ giúp cho việc học vừa nhẹ nhàng và làm cho người học ghi nhớ lâu hơn vì gây được ấn tượng tốt.

3.2. Sắm vai, đóng kịch

Việc sắm vai, đóng kịch sẽ hấp dẫn hơn nếu có sự chuẩn bị công phu với kịch bản, trang phục, phân vai học thuộc lời thoại bằng ngoại ngữ để diễn xuất cùng với sự linh hoạt sáng tạo. Đặc biệt khi sử dụng camera để quay lại các đoạn phim, sinh viên đóng ở ngoài trời hoặc ở “trường quay” được chuẩn bị công phu với bối cảnh gần giống thật sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm theo phân công và đặc biệt là sử dụng công cụ quay, xử lý đoạn videoclip, lồng ghép chữ, tiếng, nhạc... để sau đó khi cả lớp xem lại, có thể đánh giá được chất lượng phim theo các tiêu chí và

nhất là tự đánh giá được khả năng nói, giao tiếp, phát âm bằng ngoại ngữ của mình cũng như sử dụng từ vựng cấu trúc câu. Điều này đặc biệt hấp dẫn khi sinh viên học các tác phẩm văn chương bằng ngoại ngữ hoặc trong môn thực hành kỹ năng nói, thực hành đàm thoại... Chẳng hạn một nhóm sinh viên học tác phẩm *Flight* của Doris Lessing đã đóng một đoạn phim chỉ khoảng 14 phút nhưng rất sinh động (<http://www.youtube.com/watch?v=happA2lllLo>).

Các đoạn đối thoại, đàm thoại trong sách giáo khoa/giáo trình được sinh viên phân vai để học thuộc lời có thể được sáng tạo thêm cho phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam hoặc theo sở thích của sinh viên. Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng của mình qua các kịch bản, vận dụng vốn từ vựng và ngữ pháp đã học hoặc phải bổ sung thêm. Đặc biệt, ở các khoa/bộ môn như ngữ văn Đức, Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản,... sinh viên mới tiếp cận ngoại ngữ ở bậc đại học với vốn từ vựng còn ít ỏi rất cần sự hỗ trợ và động viên của giảng viên. Việc đóng vai có sử dụng camera và ứng dụng CNTT để xử lý phim kỹ thuật số dù mất thời gian nhưng sẽ đem lại lợi ích lớn cho sinh viên, giúp sinh viên vừa nhớ bài lâu, vừa phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ và cả kỹ năng công nghệ, kỹ năng tổng hợp, sáng tạo... là các kỹ năng tư duy bậc cao, sẽ có hiệu quả hơn nhiều giờ lý thuyết suông trên lớp.

3.3. Bài tập dự án/tiểu luận, thực tập, tham quan/dã ngoại, triển lãm

Các kỹ năng tư duy bậc cao và năng lực tự học, sáng tạo của sinh viên có thể được thể hiện rõ nét nhất qua các bài viết nghiên cứu (tiểu luận, khóa luận...) có tính so sánh, nhất là dành cho sinh viên khối ngành ngoại ngữ khi so sánh đối chiếu văn hóa nước ngoài với văn hóa Việt Nam. Qua đó, sinh viên có điều kiện phát triển tư duy độc lập/phê phán (critical thinking), khả năng giải quyết vấn đề thông qua các hoạt động tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin và phát triển khả năng so sánh đối chiếu với sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm cơ bản và nâng cao. Các kỹ năng trình bày một bài tiểu luận với các công cụ xử lý văn bản cơ bản, hình thức trình bày cũng cần được hướng dẫn cho sinh viên. Đôi khi sinh viên có ý tưởng tốt nhưng do năng lực sử dụng công nghệ và máy tính hạn chế đôi khi khiến cho hình thức trình bày bị ảnh hưởng rất nhiều.

Thực tập, tham quan/ dã ngoại, triển lãm là các hình thức học tập chính khóa và ngoại khóa phổ biến ở mọi ngành, nhưng sinh viên các khối ngành ngoại ngữ phải có khả năng ghi chép, chụp ảnh, quay phim, ghi âm,... và trình bày bằng ngoại ngữ theo mục tiêu đặt ra và theo nhiệm vụ được phân công. Ở đây, các kỹ năng tư duy bậc cao, năng lực sáng tạo và khả năng sử dụng thành thạo CNTT và truyền thông sẽ là một lợi thế cho sinh viên khối ngành ngoại ngữ, đặc biệt hiện nay các công cụ như Iphone, Ipad... đã tạo điều kiện dễ dàng hơn cho sinh viên trong các hoạt động này.

4. Kết luận

Sinh viên các khối ngành ngoại ngữ hiện nay thường được cho là học ngoại ngữ như một công cụ hơn là học các ngành nghề cụ thể nên sẽ khó có khả năng tìm việc

làm nếu thiếu bổ sung các kỹ năng mềm và các kiến thức chuyên ngành khác một cách vững vàng. Tuy nhiên, nếu được trang bị tốt các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy bậc cao, tư duy độc lập, sáng tạo... và khả năng tự trang bị các kiến thức liên ngành qua việc tự học hỏi suốt đời thì họ cũng có triển vọng nghề nghiệp tốt. Mà những kỹ năng này có thể được truyền đạt cho sinh viên qua các hoạt động dạy học phong phú có sử dụng công nghệ, các buổi seminar, các bài tập nhóm, sắm vai (role-play)... giúp sinh viên kỹ năng khai thác các nguồn thông tin và sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông. Ngôn ngữ gắn liền với văn hóa nên các công cụ như Internet, videoclip, phần mềm dạy học, băng đĩa... với các thông tin về đất nước, con người, văn hóa, lịch sử, xã hội... sẽ làm cho các bài giảng thêm sinh động phong phú, gây hứng thú cho việc tranh luận bằng ngoại ngữ của sinh viên. Khai thác, tìm kiếm, chọn lọc, phân tích, so sánh, đánh giá nguồn thông tin để trình bày và phối hợp tốt trong nhóm, ứng dụng các công cụ trình chiếu cơ bản cùng với các hiệu ứng, liên kết thích hợp sẽ giúp cho sinh viên vừa phát triển được tư duy bậc cao, kỹ năng sử dụng công nghệ, giao tiếp, làm việc nhóm và còn tạo sự tự tin, hứng thú trong học tập của sinh viên, góp phần đào tạo những công dân toàn cầu của thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Angelo T. A. & Cross. K. P. (1993), *Classroom assessment techniques, A Handbook for teachers*, Jossy-Bass.
2. Bloom, B. S. and others (1956), *Taxonomy of Educational Objectives*, Vol. 1: Cognitive domain, New York: McKay.
3. Friedman, Thomas L. (2010), *Thế giới phẳng, Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
4. Gerzon M. (2011), *Công dân toàn cầu*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
5. Lương Văn Kế (2009), *Văn hóa Bắc Mỹ trong toàn cầu hóa*, Nxb Giáo dục.
6. http://pdt.hcmussh.edu.vn/index.php?option=com_content&task=blogcategory&id=27&Itemid=80
7. Bloom's Taxonomy, the 21st century version. <http://www.educatorstechnology.com/2011/09/blooms-taxonomy-21st-century-version.html>.
8. Designing effective projects: thinking skills frameworks. Bloom's taxonomy: A new look at an old Standby. <http://download.intel.com/education/Common/in/Resources/DEP/skills/Bloom.pdf>
9. European Commission education and training: http://ec.europa.eu/education/lifelong-learning-policy/key_en.htm
10. <http://www.youtube.com/watch?v=happA2lllLo>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 26-11-2013;
ngày chấp nhận đăng: 13-12-2013)